

V/v báo giá dự toán đơn hàng mua sắm  
vật tư cho phương án 2014/PA-LDA

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư

Công ty nhôm Lâm Đồng – TKV (LDA) hiện đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất cho nhà máy Alumin.

Để có cơ sở lập dự toán đơn hàng mua sắm vật tư cơ điện tháng 6 năm 2026, LDA kính mời các nhà cung cấp vật tư tham gia khảo sát và báo giá dự toán vật tư với các yêu cầu cụ thể như sau:

**I. Thông tin và yêu cầu về hàng hóa, vật tư:**

**1. Chứng loại, danh mục, số lượng vật tư:** Chi tiết theo phụ lục I kèm theo.

- Đối với các mục không chào giá thì số thứ tự Danh mục vật tư trong bảng báo giá giữ nguyên (không được xóa), các thông tin còn lại như: Số lượng; Đơn Giá; Thành tiền ghi là “0” hoặc ghi là “*Không chào giá*”.

**2. Yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật:**

- Hàng hóa, vật tư cung cấp theo từng chủng loại do nhà cung cấp chào phải đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật như nêu tại Cột 2 Phụ lục 1 kèm theo.

- Hàng hoá chào giá là hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.

**3. Yêu cầu về nhà sản xuất (hãng sản xuất), xuất xứ hàng hóa:**

Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

3.1 Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) khi giao hàng đối với hàng nhập khẩu; giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với hàng sản xuất trong nước hoặc văn bản tương đương được LDA chấp thuận.

+) Nhà cung cấp là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO,CQ.

+) Trường hợp NCC nhập khẩu lô lớn để phân phối, hoặc bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực của bản sao CO,CQ) trừ trường hợp được quy định cụ thể tại cột 7 – Phụ lục 1;

3.2. Ngoài các mục yêu cầu bắt buộc CO,CQ được ghi tại Cột 7 – phụ lục I thì nhà cung cấp phải cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với các vật tư, phụ tùng nhập khẩu có đơn giá  $\geq 50$  triệu (đã bao gồm thuế, phí); giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc văn bản tương đương đối với các phụ tùng, vật tư kỹ thuật mua của các nhà sản xuất trong nước có đơn giá  $> 10$  triệu (đã bao gồm thuế, phí).

**\*Lưu ý:** Các giấy tờ CO,CQ hoặc văn bản tương đương bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt.

#### **4. Thời gian, tiến độ cung cấp:**

Thời gian, tiến độ yêu cầu dự kiến tương ứng đối với từng chủng loại vật tư như nêu tại Cột 5 Phụ lục 1 kèm theo.

Trên cơ sở tiến độ yêu cầu dự kiến sử dụng của LDA, nhà cung cấp có thể đề xuất thời gian, tiến độ cung cấp hàng hoá theo tình hình thực tế của mình để LDA xem xét, quyết định cho phù hợp.

**5. Địa điểm giao nhận:** Kho của LDA tại nhà máy alumina, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng.

#### **6. Các yêu cầu khác:**

- Điều kiện thanh toán: LDA sẽ thanh toán 95% trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ theo quy định, khoản tiền giữ lại 5% bảo hành, LDA sẽ thanh toán trong vòng 60 ngày sau khi hết hạn.

- Tạm ứng hợp đồng: LDA không áp dụng điều kiện tạm ứng hợp đồng.

## **II. Các yêu cầu và chỉ dẫn nộp bằng báo giá:**

### **1. Yêu cầu bằng báo giá:**

- Nhà cung cấp tham gia báo giá dự toán chuẩn bị 01 bằng báo giá dự toán (bản giấy) điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu Phụ lục 2 kèm theo.

- Hiệu lực bằng báo giá tối thiểu 45 ngày kể từ ngày kể từ ngày báo giá.

### **2. Chỉ dẫn nộp bằng báo giá:**

- Địa chỉ nộp, tiếp nhận Bằng báo giá (bản giấy):

+) Tổ tư vấn lựa chọn NCC vật tư - Công ty nhôm Lâm Đồng - TKV.

+) Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, Xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng.

+) Điện thoại: 02633.961.682/ Fax: 02633.961.680.

- Thời điểm hết hạn tiếp nhận bằng báo giá dự toán (bản giấy) trước: 15h00 phút ngày 29 tháng 06 năm 2026.

Trân trọng ./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Website công ty (đăng tải);
- Tổ tư vấn LCNCC vật tư;
- Lưu VT, P.VT.



**GIÁM ĐỐC**


**Nguyễn Đức Thái**

**Phu lục 1:**

**CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA**

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Xy lanh khí nén SC125x1500 có ống gầu bằng vải bạt bảo vệ trục piston	Cái	2	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ	ND2 (2014/PA-LDA)
2.	Quạt ly hút: Model: CPL-1-3.2D (Truyền động gián tiếp qua gối đỡ curoa), Công suất động cơ: 11 kW (15 HP) - 3 pha 380V/50Hz, Tốc độ trục cánh quạt: 2900 vòng/phút, Lưu lượng gió 6500 – 7200 m3/h, Cột áp: 3500 - 3800Pa	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ	ND1 (2014/PA-LDA)
3.	Thép ống DN450 SCH5 VL Inox 316	Mét	3	60 ngày			ND3 (2014/PA-LDA)
4.	Thép ống DN500 SCH5 VL Inox 316	Mét	1,9	60 ngày			ND1,9 (2014/PA-LDA)
5.	Thép ống DN600 SCH5 VL Inox 316	Mét	1	60 ngày			ND1 (2014/PA-LDA)
6.	Thép hình I100x200 vl SS400	Mét	30	60 ngày			ND30 (2014/PA-LDA)
7.	Ống bạt simili co giãn chịu áp âm công nghiệp (màu cam), đường kính trong định danh ID = 610mm; cấu trúc bọc lõi gân lò xo thép; chất liệu vải simili cao cấp phủ nhựa chịu mài mòn, chịu nhiệt hoạt động lên đến 100C; Chiều dài kéo giãn tối đa Lmax = 3000mm, chiều dài co xếp tối thiểu Lmin 400mm	Mét	3	60 ngày			ND3 (2014/PA-LDA)
8.	Đai siết ngoài 2 nửa đường kính D610, có cao su lót	Bộ	2	60 ngày			ND2 (2014/PA-LDA)
9.	Thép tấm 3000x1500x8mm, VL SS400	Tấm	1	60 ngày			ND1 (2014/PA-LDA)
10.	Thép tấm 1900x400x20mm, VL SS400	Tấm	1	60 ngày			ND1 (2014/PA-LDA)

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
11.	Teflon 1900x50x15mm	Tấm	6	60 ngày			ND6 (2014/PA-LDA)
12.	Thép ống đúc DN200 SCH40 VL A106	Mét	48	60 ngày			ND48 (2014/PA-LDA)
13.	Co thép đúc DN200 SHC20 VL A106	Cái	10	60 ngày			ND10 (2014/PA-LDA)
14.	Cao su tấm 1000x3000x10mm	Tấm	1	60 ngày			ND1 (2014/PA-LDA)
15.	Bulong M8x25mm vật liệu Inox 304	Bộ	60	60 ngày			ND60 (2014/PA-LDA)
16.	Tắc kê sắt M16x100mm	Bộ	24	60 ngày			ND24 (2014/PA-LDA)
17.	Van khí động BZ643TC-16C DN200 PN16, lót sứ chịu nhiệt và chịu mài mòn, nhiệt độ làm việc <250 độ C	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ	ND1 (2014/PA-LDA)
18.	Mặt bích DN200 PN16 VL SS400	Cái	2	60 ngày			ND2 (2014/PA-LDA)
19.	Thép ống DN40 SCH80 vật liệu inox 304	Mét	72	60 ngày			ND72 (2014/PA-LDA)
20.	T thép DN40 SCH80 vật liệu inox 304	Cái	2	60 ngày			ND2 (2014/PA-LDA)
21.	Co thép DN40 SCH80 vật liệu inox 304	Cái	20	60 ngày			ND20 (2014/PA-LDA)
22.	Thép ống DN15 SCH40 vật liệu inox 304	Mét	48	60 ngày			ND48 (2014/PA-LDA)
23.	Van bi tay gạt Q11F-16P DN15 PN16, ren trong, inox 304	Cái	8	60 ngày	≥ 12 tháng	CO,CQ	ND8 (2014/PA-LDA)
24.	Sơn dầu 410 màu xanh nhạt	Kg	15	60 ngày			ND15 (2014/PA-LDA)
25.	Sơn dầu 910 màu ghi	Kg	20	60 ngày			ND20 (2014/PA-LDA)
26.	Van điện từ Airtac 4V330C-10 nguồn cấp 24VDC	Cái	1	60 ngày			ND1 (2014/PA-LDA)
27.	Đế van (Manifold) dùng cho van 4V300 Series, 2 vị trí	Cái	1	60 ngày			ND1 (2014/PA-LDA)
28.	Bộ lọc khí nén SAW 400-04	Bộ	1	60 ngày			ND1 (2014/PA-LDA)
29.	Van xả nhanh khí nén QE-02 (1/4")	Cái	2	60 ngày			ND2 (2014/PA-LDA)



TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
30.	Van một chiều khí nén CV-02 (1/4")	Cái	2	60 ngày			ND2 (2014/PA-LDA)
31.	ống dẫn khí nén 10x6.5mm, màu xanh	Mét	100	60 ngày			ND100 (2014/PA-LDA)
32.	Dây cáp điều khiển Sangjin 6x0.75 mm <sup>2</sup> (chống nhiễu)	Mét	100	60 ngày			ND100 (2014/PA-LDA)
33.	Bộ nguồn LRS-100-24 hoặc tương đương	Bộ	1	60 ngày			ND1 (2014/PA-LDA)
34.	Tay bấm điều khiển COB-61A 4 nút có nút dừng khẩn hoặc tương đương	Cái	1	60 ngày	≥ 12 tháng		ND1 (2014/PA-LDA)

**Ghi chú:**

- Nhà cung cấp khảo sát tại trực tiếp tại phân xưởng của LDA, các vật tư/ phụ tùng cung cấp lắp đặt phải tương thích với thiết bị/dây chuyên hiện tại của LDA.

**Phụ lục 2: Biểu mẫu báo giá dự toán**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**BẢNG BÁO GIÁ DỰ TOÁN**

Kính gửi: Công ty nhôm Lâm Đồng – TKV

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá dự toán số \_\_\_\_ [Ghi số, ngày của thư mời báo giá]. Chúng tôi, \_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp] trân trọng gửi bảng báo giá dự toán cụ thể như sau:

STT	Chung loại hàng hóa/vật tư theo yêu cầu của LDA	Chung loại hàng hóa/thông số nhà cung cấp để xuất	Nhà sản xuất/Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thời gian, tiến độ cung cấp	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo (thời gian BH)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
<b>Tổng cộng giá chào trước thuế:</b>											
<b>Thuế GTGT:</b>											
<b>Tổng cộng giá chào sau thuế:</b>											
(Bằng chữ: .....)											

Hiệu lực báo giá:..... ngày.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

- **Cột số (2):** Nhà cung cấp điền đúng chủng loại, thông số yêu cầu như cột (2) của phụ lục I.
- **Cột số (3):** Chỉ điền khi chào chủng loại hàng hoá, vật tư, thông số khác so với nhu cầu của LDA (trường hợp đúng yêu cầu của LDA thì bỏ trống).
- **Cột số (4):** Ghi rõ nhà sản xuất/ hãng sản xuất; xuất xứ của hàng hóa ghi vào Cột (5).
- **Cột số (8) và (9):** điền đvt và số lượng theo yêu cầu của LDA, trường hợp hiệu chỉnh lại đơn vị tính và số lượng theo thực tế thị trường thì nhà cung cấp ghi rõ vào phần ghi chú (cột 12).
- **Cột số (10)** ghi đơn giá, là đơn giá tổng hợp, bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết như giá hàng hóa (giá C&IF đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc giá xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước), chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, chi phí bốc dỡ hàng, các khoản phí, thuế khác liên quan đến hàng hóa cho đến khi hàng hóa được bàn giao đảm bảo đạt yêu cầu tại kho của LDA.
- Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc Giấy cam kết chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời chào giá khi giao hàng, thì nhà cung cấp phải ghi vào Cột 7.
- Đối với trường hợp NCC chào chủng loại hàng hoá, quy cách, đặc tính kỹ thuật bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch song ngữ bằng tiếng Việt trong bảng báo giá.